

#SoKyHieuVanBan

#DiaDiemNgayBanHanh

KẾ HOẠCH
Phát triển Chính quyền số, Chuyển đổi số năm 2023
của Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Nam.

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Kế hoạch số 6863/KH-UBND ngày 23/11/2020 của UBND tỉnh về Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 12/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về về chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2181/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 của UBND tỉnh Phê duyệt Kiến trúc CQĐT tỉnh Quảng Nam (Phiên bản 2.0);

- Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định về trình tự, trách nhiệm lập, thẩm định, trình phê duyệt dự án đầu tư, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ, Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT, 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông; Quyết định số 2848/QĐ-UBND ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND tỉnh.

- Kế hoạch số 5642/KH-UBND ngày 25/8/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

- Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của UBND tỉnh về Ban hành Danh mục mã định danh điện tử các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc UBND tỉnh Quảng Nam;

- Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh Ban hành Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số và Quy định về đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Nam.

- Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 9/11/2022 của UBND tỉnh Về việc đẩy mạnh triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

- Kế hoạch 8793/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam về Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam năm 2023.

- Kế hoạch số 749/KH-SKHCN ngày 25/6/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ về Kế hoạch Chuyển đổi số của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, tầm nhìn năm 2030;

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng các nền tảng, phát triển hạ tầng CNTT hiện đại, đồng bộ, ứng dụng CNTT sâu rộng, phát triển nguồn nhân lực CNTT-TT, nâng cao an toàn thông tin trong cơ quan nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành, thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh; Phấn đấu nâng cao chỉ số xếp hạng mức độ chuyển đổi số DTI của Sở.

- Tập trung triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin chuyên ngành để kết nối với các CSDL của Bộ KHCN và của tỉnh Quảng Nam.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu về phát triển Chính quyền số

- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử.

- Trên 90% tỷ lệ hồ sơ công việc tại Sở được xử lý trên môi trường mạng.

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Sở được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; được tích hợp, kết nối, chia sẻ với các hệ thống dùng chung của tỉnh.

- Triển khai 05 bộ CSDL và hoàn thành tối thiểu 02 bộ CSDL.

2.2. Mục tiêu về phục vụ người dân và doanh nghiệp

- 100% tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 phổ biến, liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp trên Cổng dịch vụ công của tỉnh được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- 100% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC.

- 100% tỷ lệ dịch vụ công được hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp (nếu có).

2.3. Mục tiêu về phát triển hạ tầng CNTT và an toàn thông tin

- 100% tỷ lệ giao dịch trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của Sở được xác thực điện tử.

- Tối thiểu 60% hệ thống thông tin được xác định cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

- 100% cán bộ công chức, viên chức và người lao động của cơ quan được tuyên truyền, phổ biến về kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin.

- Cán bộ công chức của Sở được tham gia đào tạo, bồi dưỡng về an toàn thông tin khi được tinh tổ chức.

III. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

- Ban hành Kế hoạch tuyên truyền chuyên đổi số năm 2023.

- Tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyên đổi số của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn tỉnh thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng.

- Cán bộ công chức của Sở tích cực hưởng ứng ngày Chuyển đổi số Quốc gia.

2. Thể chế số

Ban hành các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo triển khai công tác chuyên đổi số của Sở.

3. Hạ tầng số

- Tiếp tục rà soát đầu tư mua sắm trang thiết bị nhằm đáp ứng yêu cầu trong công tác chuyên đổi số tại Sở.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp, mở rộng phòng họp trực tuyến đáp ứng các hoạt động chuyên môn của Sở.

4. Dữ liệu số

- Triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin chuyên ngành gồm: cơ sở dữ liệu chuyên gia khoa học và công nghệ; cơ sở dữ liệu về thực trạng phương tiện đo nhóm 2 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; cơ sở dữ liệu và hệ thống công cụ quản lý cơ sở dữ liệu về sở hữu công nghiệp của tỉnh Quảng Nam; cơ sở dữ liệu trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (cập nhật 100 doanh nghiệp) và nâng cấp Sàn giao dịch công nghệ online.

- Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông Quảng Nam triển khai nhiệm vụ kết nối, khai thác dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung của các cơ quan nhà nước.

5. An toàn thông tin mạng

- Xây dựng và triển khai các phương án bảo đảm an toàn thông tin của các hệ thống thông tin của Sở theo cấp độ.

- Phối hợp với Sở Thông tin và truyền thông Quảng Nam triển khai các giải pháp phòng, chống mã độc tập trung, kết nối chia sẻ thông tin với hệ thống tập trung của tỉnh.

- Tham gia các lớp tập huấn, diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng trong năm 2023 do tỉnh tổ chức.

6. Chính quyền số

- Triển khai nhiệm vụ về số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở theo Kế hoạch số 1222/KH-SKH-CN ngày 27/9/2022 về Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp.

- Nâng cấp Sàn giao dịch công nghệ (Techmartonline), nhằm cập nhật, kết nối cung - cầu công nghệ, hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn tỉnh ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng, phát triển sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh của các tổ chức, doanh nghiệp.

IV. Bảng tổng hợp các nhiệm vụ trọng tâm

Chi tiết theo Phụ lục 1 kèm theo

V. Giải pháp thực hiện

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chuyển đổi số đến với toàn thể cán bộ của Sở.

2. Xây dựng các quy trình phối hợp về triển khai các nội dung liên quan về chuyển đổi số giữa các phòng, đơn vị của Sở.

3. Tăng cường công tác đào tạo về chuyển đổi số cho toàn thể cán bộ của Sở.

4. Đẩy mạnh việc thực hiện công tác chuyển đổi số gắn với việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ KH&CN, các nội dung thực hiện theo cơ chế hỗ trợ hoạt động KH&CN của HĐND tỉnh.

5. Tranh thủ các nguồn lực từ Trung ương đến địa phương để đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác chuyển đổi số.

VI. Kinh phí thực hiện:

Kinh phí thực hiện kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước.

VII. Tổ chức thực hiện.

1. Thủ trưởng các phòng, đơn vị:

- Quán triệt chủ trương, chỉ đạo của tỉnh và của Sở về chuyển đổi số và nội dung Kế hoạch này đến tất cả các cán bộ công chức, viên chức và người lao động của phòng, đơn vị mình quản lý. Triển khai các mục tiêu, nội dung, giải pháp của Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Các phòng, đơn vị khẩn trương xây dựng kế hoạch chuyển đổi số của phòng, đơn vị mình, phân công cụ thể từng nhiệm vụ để thực hiện đảm bảo chất lượng và tiến độ các công việc chuyển đổi số được phân công.

- Tham mưu xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi được giao; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện giải quyết TTHC;

Tham mưu triển khai giải quyết TTHC trực tuyến theo mức độ 4 thuộc phạm vi được giao.

Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở, doanh nghiệp tham gia đăng ký giải quyết TTHC mức độ 4 thuộc lĩnh vực được phân công.

- Chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong phòng, đơn vị, lĩnh vực mình phụ trách; cập nhật thông tin lên các ứng dụng, CSDL được giao phụ trách, quản lý; chủ động đề xuất và triển khai các ứng dụng phục vụ công tác quản lý lĩnh vực phụ trách.

- Chỉ đạo, đôn đốc CBCCVC&NLĐ của phòng/ đơn vị:

+ Sử dụng địa chỉ mail công vụ trong quá trình liên hệ, xử lý công việc.

+ Cài đặt và truy cập các App SmartQuangNam và Egov QuangNam.

+ Hàng ngày truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Sở tại địa chỉ: <https://skhcn.quangnam.gov.vn/webcenter/portal/sokhcn> trên các ứng dụng của Sở và liên quan (web, facebook, ...)

+ Định kỳ hàng quý tổng hợp tình hình truy cập Cổng thông tin điện tử Sở và các ứng dụng dùng chung của tỉnh (số lượt truy cập), gửi về Văn phòng Sở để tổng hợp, báo cáo.

- Cập nhật, cung cấp thông tin, các CSDL, viết tin, bài để đưa lên Cổng thông tin điện tử Sở, Trung tâm điều hành thông minh Quảng Nam (IOC Quảng Nam) và các ứng dụng dùng chung của tỉnh (App Smart QuangNam; Egov QuangNam);

2. Văn phòng Sở

Ngoài những nội dung tại Mục 1 Phần VII nêu trên; chủ trì, phối hợp triển khai các nội dung sau:

- Chủ trì thực hiện các nội dung liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính của Sở; tổng hợp thông tin báo cáo trên hệ thống LRIS.

- Chịu trách nhiệm cung cấp thông tin các chỉ số từ *Mục II. Chỉ số đánh giá* theo Phụ lục 2 kèm theo: 1.2; 2.4; 2.5; 2.6; 2.7; 3.1; 4.1; 4.2; 4.3; 4.4; 5.4; 5.5; 5.6; 6.1.1; 6.2; 6.3; 6.4; 6.5; 6.6; 6.7; 6.10; 6.11 và 6.12.

- Tham mưu các nội dung cần cải thiện các chỉ số trong bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của Sở năm 2023:

+ Sử dụng mail công vụ trong quá trình thực thi công vụ (Kể cả cung cấp thông tin cho các đơn vị trong và ngoài tỉnh).

- Tham mưu chỉ đạo, đôn đốc tình hình thực hiện của CBCCVC&NLĐ:

+ Cài đặt và truy cập các App SmartQuangNam và Egov QuangNam

+ Hàng ngày truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Sở tại địa chỉ: <https://skhcn.quangnam.gov.vn/webcenter/portal/sokhcn>; viết tin, bài trên các ứng dụng của Sở và liên quan (web, facebook, ...)

+ Định kỳ hàng quý tổng hợp tình hình truy cập Cổng thông tin điện tử Sở và các ứng dụng dùng chung của tỉnh (số lượt truy cập).

+ Rà soát các đối tượng được cấp chứng thư số và có công văn yêu cầu cấp bổ sung (nếu thiếu).

- Phối hợp với các phòng, đơn vị và với Sở Thông tin và Truyền thông, đơn vị vận hành các hệ thống dùng chung của tỉnh để giải quyết những vấn đề khó khăn, vướng mắc trong quá trình tác nghiệp.

- Phối hợp với Phòng Quản lý Công nghệ xây dựng, làm việc với các đơn vị liên quan để cân đối nguồn kinh phí thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động quản lý của Sở.

- Tham mưu đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác chuyển đổi số;

- Rà soát nâng cấp các hệ thống: SmartQuangNam, Egov và LRIS.

3. Phòng Quản lý Công nghệ

Ngoài những nội dung tại Mục 1 Phần VII nêu trên; chủ trì, phối hợp triển khai các nội dung sau:

- Chủ trì, tham mưu Lãnh đạo Sở theo dõi, đôn đốc chỉ đạo các phòng, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Hỗ trợ chuyên môn cho cán bộ, công chức, viên chức của Sở ứng dụng CNTT phục vụ nhiệm vụ chuyên môn được giao
- Phối hợp với Văn phòng Sở thực hiện nâng cấp hạ tầng CNTT tại Sở.
- Chủ trì thực hiện nội dung nâng cấp Sàn giao dịch công nghệ.
- Chủ trì thực hiện nội dung xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống công cụ quản lý cơ sở dữ liệu về sở hữu công nghiệp của tỉnh Quảng Nam”.
- Chủ trì tham mưu xây dựng CSDL trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
- Chịu trách nhiệm cung cấp thông tin các chỉ số từ *Mục II. Chỉ số đánh giá* theo Phụ lục kèm theo Phụ lục 2 kèm theo: 1.3; 1.4; 2.1; 2.2; 2.3; 3.2; 3.3; 3.4; 5.1; 5.2; 5.3; 6.1.2; 6.1.3 và 6.8.
- Tham mưu các nội dung cần cải thiện các chỉ số trong bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của Sở năm 2023: Khẩn trương rà soát và thực hiện xây dựng cấp độ an toàn thông tin cho hệ thống thông tin của Sở theo yêu cầu của UBND tỉnh gửi Sở Thông tin và Truyền thông Quảng Nam thẩm định.
- Phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN và Sở Thông tin và Truyền thông Quảng Nam để triển khai nhiệm vụ kết nối, khai thác dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung của các cơ quan nhà nước.
- Triển khai kết nối CSDL với Bộ KH&CN.

4. Phòng Quản lý Khoa học

Ngoài những nội dung tại Mục 1 Phần VII nêu trên; chủ trì, phối hợp triển khai các nội dung sau:

- Tiếp tục quản lý, cập nhật, duy trì, nâng cấp (nếu có) CSDL Khoa học và Công nghệ;
- Chủ trì thực hiện nội dung xây dựng dữ liệu về cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (Cơ sở dữ liệu chuyên gia).
- Tham mưu quản lý, triển khai hiệu quả các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh liên quan đến chuyển đổi số đã được phê duyệt.
- Tổng hợp đề xuất, tham mưu đề nghị thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân đăng ký đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia về nội dung chuyển đổi số phục vụ phát triển kinh tế, xã hội tỉnh Quảng Nam.

5. Phòng Tiêu chuẩn – Đo lường- Chất lượng

Ngoài những nội dung tại Mục 1 Phần VII nêu trên; chủ trì, phối hợp triển khai các nội dung sau:

Xây dựng cơ sở dữ liệu về thực trạng phương tiện đo nhóm 2 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. (*Tham mưu thủ tục trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư*).

6. Trung tâm Khoa học Công nghệ và Đổi mới sáng tạo

Ngoài những nội dung tại Mục 1 Phần VII nêu trên; chủ trì, phối hợp triển khai các nội dung sau:

Khẩn trương xây dựng kế hoạch chuyển đổi số của đơn vị hướng đến phục vụ tốt các dịch vụ sự nghiệp công, đảm bảo tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động sự nghiệp.

VIII. KIẾN NGHỊ

1. Kính đề nghị UBND tỉnh nâng cấp hạ tầng, các ứng dụng, các phần mềm dùng chung của tỉnh để đảm bảo phục vụ công việc thông suốt, liên tục.

2. UBND tỉnh quan tâm bố trí nguồn kinh phí phục vụ cho công tác chuyển đổi số của Sở Khoa học và Công nghệ

3. Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục tổ chức tập huấn triển khai dịch vụ công mức độ 4; tập huấn các ứng dụng liên quan đến chuyển đổi số.

4. Đề nghị Viễn thông Quảng Nam hỗ trợ xây dựng cấu hình, mô phỏng các dữ liệu ngành KH&CN trên hệ thống báo cáo LRIS sinh động, đầy đủ phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành của Tỉnh.

Kế hoạch này thay thế kế hoạch 1454/KH-SKH&CN ngày 10/11/2022 về Kế hoạch phát triển Chính quyền số, Chuyển đổi số năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Nam đề nghị các phòng, đơn vị triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, báo cáo Lãnh đạo Sở để kịp thời chỉ đạo giải quyết, đảm bảo thực hiện kế hoạch hiệu quả.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở TT&TT;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị;
- VT, QLCN.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

PHỤ LỤC 1.
BẢNG TỔNG HỢP CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM
CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SKHCN ngày /4/2023
của Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Nam)

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm (Quyết định, kế hoạch, ...)	Phòng/đơn vị chủ trì	Phòng/đơn vị phối hợp
1.	Số hóa các Thủ tục hành chính	12/2023	Dữ liệu đã số hóa	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị
2.	Nâng cấp Sàn giao dịch Công nghệ Quảng Nam (Techmartonline QuangNam)	6/ 2023	Báo cáo Techmartonline QuangNam	Phòng QLCN	Văn phòng Sở
3.	Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên gia khoa học và công nghệ	Quý IV/ 2023	Báo cáo CSDL chuyên gia KH&CN	Phòng QLKH	Văn phòng Sở
4.	Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống công cụ quản lý cơ sở dữ liệu về sở hữu công nghiệp của tỉnh Quảng Nam.	4/2023-12/2024	Báo cáo CSDL về SHCN	Phòng QLCN	Văn phòng Sở
5.	Xây dựng cơ sở dữ liệu về thực trạng phương tiện đo nhóm 2 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	4/2023-12/2024	Báo cáo CSDL về PTĐ nhóm 2	Phòng Quản lý TĐC	Phòng QLCN; Văn phòng Sở
6.	Xây dựng CSDL trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	11/2023	Phần mềm và CSDL	Phòng QLCN	Văn phòng Sở
7.	Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác chuyển đổi số	Quý II/2023	Thiết bị CNTT	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị
8.	Rà soát, nâng cấp các hệ thống Smart QuangNam, Egov và LRIS.	Quý II/2023	Hệ thống mới	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở
9.	Kết nối với CSDL Bộ KH&CN	12/ 2023	CSDL kết nối	Phòng QLCN	Các phòng, đơn vị

Phụ lục 2
Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh

STT	Trụ cột/Chỉ số/Chỉ số/ Chỉ số con	Tài liệu kiểm chứng	Phòng/ đơn vị chủ trì	Phòng/ đơn vị phối hợp
I	Thông tin chung			
1	Thông tin Sở/Ban/Ngành			
1.1	Tên Sở/Ban/Ngành		Phòng QLCN	Văn phòng Sở
1.2	Địa chỉ liên hệ chính thức		Phòng QLCN	Văn phòng Sở
1.3	Địa chỉ trang/cổng thông tin điện tử (Website/Portal) chính thức		Phòng QLCN	Văn phòng Sở
1.4	Số lượng cơ quan/đơn vị thuộc, trực thuộc Sở/Ban/Ngành		Văn phòng Sở	Phòng QLCN
1.5	Số lượng công chức của Sở/Ban/Ngành hiện có		Văn phòng Sở	Phòng QLCN
1.6	Số lượng viên chức của Sở/Ban/Ngành hiện có		Văn phòng Sở	Phòng QLCN
1.7	Số lượng máy chủ vật lý của Sở/Ban/Ngành		Phòng QLCN	Văn phòng Sở
1.8	Số lượng máy trạm của Sở/Ban/Ngành		Phòng QLCN	Văn phòng Sở
1.9	Số lượng hệ thống thông tin của Sở/Ban/Ngành		Phòng QLCN	Văn phòng Sở
1.10	Tổng chi Ngân sách nhà nước Sở/Ban/Ngành cho chuyển đổi số		Văn phòng Sở	Phòng QLCN
1.11	Số lượng thủ tục hành chính của Sở/Ban/Ngành		Văn phòng Sở	Phòng QLCN
2	Thông tin liên hệ của Sở/Ban/Ngành		Văn phòng Sở	Phòng QLCN
2.1	Họ và tên người cung cấp thông tin		Phòng QLCN	
2.2	Đơn vị công tác		Phòng QLCN	
2.3	Chức vụ		Phòng QLCN	

STT	Trụ cột/Chỉ số/Chỉ số/ Chỉ số con	Tài liệu kiểm chứng	Phòng/ đơn vị chủ trì	Phòng/ đơn vị phối hợp
2.4	Điện thoại liên hệ		Phòng QLCN	
2.5	Email		Phòng QLCN	
II	Chỉ số đánh giá			
1	Nhận thức số (vai trò của người đứng đầu)			
1.1	Người đứng đầu đơn vị là Trưởng ban Ban chỉ đạo Chính quyền điện tử, Chuyển đổi số của đơn vị	Quyết định về thành lập Ban chỉ đạo CPĐT, CDS của đơn vị	Văn phòng Sở	Phòng QLCN
1.2	Người đứng đầu Sở/Ban/Ngành (Giám đốc Sở/Ban/Ngành) chủ trì, chỉ đạo chuyển đổi số	Văn bản, tài liệu chứng minh người đứng đầu đơn vị chủ trì các cuộc họp về CDS tại đơn vị như: thông báo kết luận cuộc họp,...	Văn phòng Sở	Phòng QLCN
1.2.1	Giám đốc Sở/Ban/Ngành tham gia đầy đủ các cuộc họp về CDS của tỉnh	Công văn, giấy mời, chương trình...	Văn phòng Sở	Phòng QLCN
1.2.2	Tổ chức các cuộc họp về CDS của Sở/Ban/Ngành	Công văn, giấy mời, chương trình... hoặc Biên bản họp Ban chỉ đạo	Văn phòng Sở	Phòng QLCN
1.3	Ban hành văn bản chỉ đạo chuyển đổi số	Danh sách Văn bản chỉ đạo	Phòng QLCN	Văn phòng Sở
1.4	Có Chuyên mục về Chuyển đổi số trên Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị	Danh sách tin, bài	Phòng QLCN	
2	Thể chế số			
2.1	Nghị quyết chuyên đề hoặc văn bản tương đương của cấp ủy về chuyển đổi số		Phòng QLCN	Cấp ủy
2.2	Kế hoạch, chương trình hoặc đề án 5 năm về chuyển đổi số	Có trích dẫn số hiệu, tên, ngày tháng văn bản đầy đủ. Có b/c đánh giá cuối năm.	Phòng QLCN	

STT	Trụ cột/Chỉ số/Chỉ số/ Chỉ số con	Tài liệu kiểm chứng	Phòng/ đơn vị chủ trì	Phòng/ đơn vị phối hợp
2.3	Kế hoạch, chương trình hằng năm về chuyển đổi số	Kế hoạch, chương trình (có trích dẫn số hiệu, tên, ngày tháng văn bản đầy đủ)	Phòng QLCN	
2.4	Ban hành kế hoạch và triển khai việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực	Có tài liệu, văn bản để chứng minh	Văn phòng Sở	
2.5	Tham gia hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hằng năm phổ biến, quán triệt và giám sát tuân thủ kiến trúc Chính quyền điện tử do tỉnh tổ chức	Văn bản cử cán bộ tham gia, kết quả tổng hợp đơn vị tổ chức	Văn phòng Sở	Phòng QLCN
2.6	Tham gia hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hằng năm phổ biến, quán triệt công tác quản lý đầu tư, chi phí cho chuyển đổi số	Văn bản cử cán bộ tham gia, kết quả tổng hợp đơn vị tổ chức	Văn phòng Sở	
2.7	Tổ chức các hội thảo, hội nghị, tập huấn hằng năm về chuyển đổi số	Văn bản, tài liệu chứng minh như: kế hoạch tổ chức các hội thảo, hội nghị, tập huấn,...	Văn phòng Sở	Các Phòng, đơn vị
3	Hạ tầng số			
3.1	Tỷ lệ CBCC tại đơn vị được trang bị máy tính		Văn phòng Sở	
3.2	Triển khai kết nối qua hệ thống mạng LAN/WAN		Phòng QLCN	Văn phòng Sở
3.3	Có Giải pháp đảm bảo an toàn dữ liệu, sao lưu dự phòng	Ghi rõ tên giải pháp	Phòng QLCN	Văn phòng Sở
3.4	Có triển khai giải pháp đảm bảo bảo mật, an toàn thông tin cho hệ thống mạng nội bộ	Ghi rõ tên giải pháp	Phòng QLCN	Văn phòng Sở
4	Nhân lực số			
4.1	Có cán bộ công chức chuyên trách về CNTT	Văn bản giao nhiệm vụ.	Văn phòng Sở	

STT	Trụ cột/Chỉ số/Chỉ số/ Chỉ số con	Tài liệu kiểm chứng	Phòng/ đơn vị chủ trì	Phòng/ đơn vị phối hợp
4.2	Cán bộ lãnh đạo từ phó phòng trở lên của cơ quan, đơn vị tham gia các khoá đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số do tỉnh tổ chức	Văn bản cử CB đi đào tạo, tập huấn	Văn phòng Sở	
4.3	Cán bộ chuyên trách CNTT tham gia các khoá đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số do tỉnh tổ chức	Văn bản cử CB đi đào tạo, tập huấn	Văn phòng Sở	
4.4	Cán bộ công chức tham gia các khoá đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số do tỉnh tổ chức	Văn bản cử CB đi đào tạo, tập huấn	Văn phòng Sở	
5	An toàn thông tin mạng			
5.1	Hệ thống thông tin trong đơn vị được phê duyệt theo cấp độ	Văn bản, tài liệu chứng minh	Phòng QLCN	Văn phòng Sở
5.2	Hệ thống thông tin trong đơn vị được triển khai phương án bảo vệ theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phê duyệt	Văn bản, tài liệu chứng minh	Phòng QLCN	Văn phòng Sở
5.3	Máy chủ, máy trạm được cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc, diệt virus bản quyền		Văn phòng Sở	Các Phòng, đơn vị
5.4	Đơn vị có tham gia lớp diễn tập, ứng cứu sự cố ATTT của tỉnh tổ chức	Văn bản cử cán bộ tham gia, kết quả tổng hợp đơn vị tổ chức	Văn phòng Sở	Các Phòng, đơn vị
5.5	Đơn vị có tham gia lớp đào tạo, tập huấn ATTT của tỉnh	Văn bản cử cán bộ tham gia, kết quả tổng hợp đơn vị tổ chức	Văn phòng Sở	Các Phòng, đơn vị
5.6	Tổng kinh phí chi cho an toàn thông tin (ATTT)	Văn bản, tài liệu chứng minh đầu tư mua sắm cho an toàn thông tin, chuyển đổi số.	Văn phòng Sở	
6	Hoạt động Chính quyền số			
6.1	Công/Trang Thông tin điện tử (TTĐT)		Phòng QLCN	Các Phòng, đơn vị

STT	Trụ cột/Chỉ số/Chỉ số/ Chỉ số con	Tài liệu kiểm chứng	Phòng/ đơn vị chủ trì	Phòng/ đơn vị phối hợp
6.1.1	Số lượt truy cập Cổng/Trang TTĐT của đơn vị trong năm		Phòng QLCN	Các Phòng, đơn vị
6.1.2	Số lượng tin, bài		Phòng QLCN	Các Phòng, đơn vị
6.1.3	Cung cấp các thông tin theo Nghị định 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ		Phòng QLCN	
6.2	Thư điện tử		Văn phòng Sở	
	Tỷ lệ CBCC sử dụng tài khoản thư điện tử công vụ		Văn phòng Sở	Các Phòng, đơn vị
6.3	Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành		Văn phòng Sở	
	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử của đơn vị		Văn phòng Sở	Các Phòng, đơn vị
6.4	Chữ ký điện tử, chữ ký số		Văn phòng Sở	Các Phòng, đơn vị
6.4.1	CBCC được cấp chứng thư số chuyên dùng	Danh sách cán bộ được cấp chứng thư số chuyên dùng	Văn phòng Sở	Các Phòng, đơn vị
6.4.2	Kết quả giải quyết TTHC được ký số và trả kết quả điện tử		Văn phòng Sở	Các Phòng, đơn vị
6.5	Ứng dụng Smart Quảng Nam		Văn phòng Sở	Các Phòng, đơn vị
	CBCC sử dụng ứng dụng Smart Quảng Nam		Văn phòng Sở	Các Phòng, đơn vị
	Trả lời phản ánh kiến nghị của người dân (qua Smart Quảng Nam) đúng hạn: 1 điểm	Đơn vị nào không nhận được phản ánh kiến nghị: không chấm điểm chỉ số này	Văn phòng Sở	Các Phòng, đơn vị
6.6	Ứng dụng Egov Quảng Nam		Văn phòng Sở	Các Phòng, đơn vị
	CBCC sử dụng ứng dụng Egov Quảng Nam		Văn phòng Sở	Các Phòng, đơn vị
6.7	Hệ thống thông tin báo cáo		Văn phòng Sở	Các Phòng, đơn vị

STT	Trụ cột/Chỉ số/Chỉ số/ Chỉ số con	Tài liệu kiểm chứng	Phòng/ đơn vị chủ trì	Phòng/ đơn vị phối hợp
6.7.1	Thực hiện đầy đủ các loại báo cáo theo yêu cầu trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	Thống kê số liệu từ HT phần mềm	Văn phòng Sở	Các Phòng, đơn vị
6.7.2	Báo cáo được duyệt đúng hạn trên phần mềm	Thống kê số liệu từ HT phần mềm	Văn phòng Sở	Các Phòng, đơn vị
6.8	Cơ sở dữ liệu chuyên ngành			
6.8.1	Số lượng lĩnh vực quản lý có xây dựng CSDL		Phòng QLCN	Các Phòng, đơn vị
6.8.2	Số CSDL trong Danh mục CSDL của đã đơn vị triển khai kết nối, chia sẻ với LGSP	Tổng số CSDL trong Danh mục CSDL của đơn vị đã triển khai kết nối với LGSP Tổng số CSDL trong Danh mục CSDL của đơn vị	Phòng QLCN	Phòng QLKH, QLCN, QL TCĐLCL
6.9	Triển khai nền tảng họp trực tuyến đến cấp Sở và đến từng thiết bị cá nhân	Thông báo kế hoạch triển khai; thông báo họp hoặc giấy mời họp theo hình thức trực tuyến	Văn phòng Sở	Các Phòng, đơn vị
6.10	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến		Văn phòng Sở	Các Phòng, đơn vị
6.10.1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến		Văn phòng Sở	Các Phòng, đơn vị
	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến		Văn phòng Sở	Các Phòng, đơn vị
6.10.2	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến		Văn phòng Sở	Các Phòng, đơn vị
	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến của đơn vị		Văn phòng Sở	Các Phòng, đơn vị
6.10.3	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT		Văn phòng Sở	Các Phòng, đơn vị
	Người dân, doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng DVCTT		Văn phòng Sở	Các Phòng, đơn vị

STT	Trụ cột/Chỉ số/Chỉ số/ Chỉ số con	Tài liệu kiểm chứng	Phòng/ đơn vị chủ trì	Phòng/ đơn vị phối hợp
6.11	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)		Văn phòng Sở	Các Phòng, đơn vị
6.11.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	Nếu 100% hồ sơ của tất cả TTHC phát sinh trực tuyến thì không tính điểm mục này	Văn phòng Sở	Các Phòng, đơn vị
6.11.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI		Văn phòng Sở	Các Phòng, đơn vị
6.11.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được trả kết quả qua dịch vụ BCCI		Văn phòng Sở	Các Phòng, đơn vị
6.12	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chính quyền số		Văn phòng Sở	
	Ngân sách nhà nước cho chính quyền số	Báo cáo số liệu chi: '- Tổng chi NSNN cho CNTT (chi thường xuyên; chi đầu tư) '- Tổng chi NSNN của đơn vị	Văn phòng Sở	Phòng QLCN